

ÁP DỤNG NGHIÊN CỨU ĐỊNH TÍNH CHO CÁC NGHIÊN CỨU TRONG LĨNH VỰC QUẢN TRỊ - LÝ THUYẾT VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

Cao Quốc Việt¹, Nguyễn Thị Bích Châu²
Bạch Ngọc Hoàng Anh³

TÓM TẮT

Title: *Using qualitative research to study in the field of management: from theory to practical experience*

Từ khóa: *Nghiên cứu định tính, lý thuyết nổi lên từ dữ liệu, grounded theory*

Keywords: *Qualitative research, qualitative research*

Lịch sử bài báo:

Ngày nhận bài: 25/11/2020;

Ngày nhận kết quả bình duyệt: 2/12/2020;

Ngày chấp nhận đăng bài: 10/12/2020.

Tác giả:

^{1,2} Trường Đại học Kinh tế TP. HCM

³ Trường Đại học Yersin Đà Lạt.

Email: hoanganhbachngoc@yahoo.com

Xuất phát từ những khó khăn của học viên khi thực hiện phương pháp nghiên cứu định tính trong các luận văn, luận án và các công trình nghiên cứu khoa học; bài viết này giới thiệu nghiên cứu định tính và các phương pháp chính để áp dụng trong các công trình nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực quản trị. Bài viết trình bày các bước thực hiện một nghiên cứu định tính áp dụng hướng tiếp cận “lý thuyết nổi lên từ dữ liệu - grounded theory”. Đây là hướng tiếp cận phổ biến được các nhà nghiên cứu sử dụng để khám phá và điều chỉnh mô hình nghiên cứu đề xuất.

ABSTRACT

Based on students' difficulties when performing qualitative research methods in dissertations, theses as well as research papers; our article introduces qualitative research and main methods to apply in research related to management. The paper presents steps for conducting a qualitative research, using the approach called “grounded theory”. This is a common approach, used by researchers in order to explore and adjust the proposed research model.

I. Đặt vấn đề

1. Giới thiệu chung

Nghiên cứu định tính xuất hiện khá thường xuyên trong các luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ và cả các bài báo công bố trên tạp chí khoa học trong nước thời gian qua. Các kết quả nghiên cứu định tính xuất hiện theo một qui trình lặp lại gần như giống nhau giữa các nghiên cứu. Một số học viên chưa biết cách thực hiện nghiên cứu định tính,

chưa từng thực hiện một cuộc phỏng vấn sâu hay thảo luận nhóm nào. Một số học viên chưa biết tại sao phải thực hiện nghiên cứu định tính, chưa biết qui trình xử lý dữ liệu định tính, không thể giải thích vì sao có được số lượng mẫu thu thập như đã báo cáo. Vì vậy kết quả nghiên cứu định tính không dựa trên dữ liệu đáng tin cậy và giá trị. Một số bài báo công bố trong nước cũng trình bày kết quả nghiên cứu định tính khá sơ sài.

Với mục đích giúp người đọc hiểu thấu đáo hơn vấn đề này, trong các nội dung tiếp theo, hệ thống các phương pháp nghiên cứu sẽ được trình bày sơ lược bao gồm phân biệt nghiên cứu định tính và định lượng; năm hướng tiếp cận trong nghiên cứu định tính. Phần trọng tâm của bài viết nằm ở phần áp dụng phương pháp GT theo trường phái Straussian để xây dựng và phát triển mô hình lý thuyết cho nghiên cứu định lượng.

2. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định lượng đứng trên nền tảng của phương pháp suy diễn (*deductive*)¹ trong phương pháp nghiên cứu khoa học. Chính vì vậy, “*nghiên cứu định lượng thường được dùng để kiểm định lý thuyết khoa học*”(Nguyễn Đình Thọ, 2013, tr.134) hoặc “*kiểm định các lý thuyết mục tiêu thông qua việc xác định mối quan hệ giữa các biến...*” (Creswell, 2009, tr.4). Nghiên cứu định lượng sẽ và chỉ được thực hiện nếu như lý thuyết khoa học vừa được khám phá, đề xuất hoặc lý thuyết còn nhiều tranh luận (còn nhiều kết quả mâu thuẫn, không đồng thuận) giữa các nhà nghiên cứu khác nhau; ngoài ra lý thuyết cần kiểm định phải gắn liền với thực tiễn thị trường (các vấn đề đang nổi lên từ thị trường cần nghiên cứu).

Ngược lại, nghiên cứu định tính đứng trên nền tảng của qui trình qui nạp (*inductive*) trong phương pháp nghiên cứu khoa học. Creswell (2009) cho rằng nghiên cứu định tính mang ý nghĩa khám phá, tìm

hiểu vấn đề của con người và xã hội thông qua các nhóm và các cá nhân. Theo Creswell (2007), năm hướng tiếp cận trong nghiên cứu định tính đó là: Nghiên cứu tường thuật (*Narrative research*); Hiện tượng học (*Phenomenology*); Dân tộc học (*Ethnography*); Nghiên cứu tình huống (*Case Study*) và Lý thuyết “từ dữ liệu” (*Grounded Theory*). Một hướng tiếp cận mới trong nghiên cứu định tính có tên gọi Netnography do (Kozinets, 2002, 2010, 2015) đề xuất và sáng lập.

Hướng tiếp cận theo nghiên cứu tường thuật “*bắt đầu với những trải nghiệm đã diễn ra trong cuộc sống và những câu chuyện được kể bởi các nhân vật*” (Creswell 2007, tr.54). Hướng tiếp cận này, theo Creswell, được xuất phát từ các lĩnh vực như văn chương, lịch sử, nhân loại học (*anthropology*), xã hội học, ngôn ngữ xã hội học (*sociolinguistics*), giáo dục học và tâm lý học). Hướng thứ hai nghiên cứu hiện tượng học là dạng tổng quát hơn của nghiên cứu tường thuật. Những kinh nghiệm sống của nhiều cá nhân được mô tả dưới một “khái niệm” hay một “hiện tượng”; mục đích của nhà hiện tượng học là mô tả hiện tượng ở mức độ tổng quát so với từng trải nghiệm của cá nhân riêng lẻ; nghiên cứu hiện tượng học rất phổ biến trong các ngành khoa học xã hội, khoa học sức khỏe, xã hội học, tâm lý học, giáo dục học (Creswell, 2007). Nghiên cứu dân tộc học là hướng tiếp cận thứ ba trong nghiên cứu định tính. Theo hướng tiếp cận này “*nhà nghiên cứu mô tả và diễn giải các kiểu mẫu giá trị đã được học hỏi và*

¹ Để hiểu rõ hơn về qui trình suy diễn và qui nạp, độc giả nên đọc thêm: Nguyễn Đình Thọ, 2013. *Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh* tái bản lần 2., Hồ Chí Minh: NXB. Tài Chính

Hoặc Creswell, J., 2007. *Qualitative inquiry and research design: Choosing among five approaches* 2nd ed., Thousand Oaks, CA: Sage

chia sẻ, các hành vi, các niềm tin và ngôn ngữ của một nhóm người cùng chia sẻ chung một nền văn hóa” (Harris, 1968 dẫn từ Creswell, 2007, tr.68). Nhà dân tộc học sẽ tìm hiểu ý nghĩa của hành vi, ngôn ngữ, và mối tương tác giữa các cá nhân trong nhóm văn hóa này; dân tộc học được sử dụng trong lĩnh vực nhân loại học (*anthropology*), xã hội học. Nghiên cứu tình huống (*case study*) là dạng thứ 4 trong nghiên cứu định tính mà nhà nghiên cứu khám phá (vấn đề) ở một hay một số trường hợp thông qua quan sát, phỏng vấn, các tài liệu và các báo cáo (Creswell 2007, Dul & Hak 2008, Eisenhardt 1989). Nghiên cứu tình huống được áp dụng phổ biến trong các lĩnh vực như tâm lý học, dược, luật, khoa học chính trị, giáo dục học (Creswell, 2007), quản trị (Dul & Hak, 2008), marketing (Woodside, 2010), kinh doanh và kinh tế học (Yin, 2003). Ngoài mục đích xây dựng lý thuyết, nghiên cứu tình huống còn được sử dụng để kiểm định lý thuyết (Eisenhardt, 1989).

Cuối cùng là hướng tiếp cận “lý thuyết nổi lên từ dữ liệu” (*Grounded Theory, GT*) trong nghiên cứu định tính. Đây là hướng tiếp cận được trình bày chi tiết ở bài báo cáo này. Hướng tiếp cận GT được sử dụng phổ biến trong các lĩnh vực như xã hội học (Glaser & Strauss, 2006); tâm lý học, giáo dục học (J. Creswell, 2007); kinh doanh và marketing (Goulding 2002, 2005). Nhà nghiên cứu tiếp cận hướng GT sẽ khám phá các vấn đề đang tồn tại trong lĩnh vực của họ. Chính những vấn đề này một khi được khai phá sẽ “chuyển hóa” thành lý thuyết dưới “tư duy” của các nhà khoa học. Đây cũng chính là quan điểm “*lý thuyết được xây dựng từ dữ liệu*” do hai nhà xã hội học Glaser và Strauss đặt nền móng.

Theo Cooney (2010), có hai hướng tiếp cận phương pháp GT. Theo hướng nguyên thủy (*pure grounded theory*), những người theo đuổi trường phái này sẽ tiếp cận các nguồn thông tin (dữ liệu), khai phá nó và xây dựng lý thuyết mà không để một lý thuyết nào trước đó dẫn dắt và “*lý thuyết sẽ nổi lên từ quá trình thu thập và phân tích dữ liệu*” (Saunders & cộng sự. 2009, tr.521). Đây chính là hướng tiếp cận định tính theo trường phái Glaserian. Nếu như năm 1967, cả Glaser và Strauss cùng nói lên vai trò không quan trọng của lý thuyết khi thực hiện nghiên cứu định tính thì sau đó hai mươi năm, Strauss (1987), Heath (2006) lại cho rằng lý thuyết đóng một vai trò rất quan trọng trong nghiên cứu định tính. Điều này có nghĩa là nhà nghiên cứu phải tổng hợp thật kỹ, thật sâu lý thuyết trước khi thực hiện nghiên cứu định tính.

Theo tổng kết của Nguyễn Văn Thắng, (2013, tr.117), nghiên cứu định tính có thể có bốn mục tiêu chính: Mục tiêu thứ nhất là “xây dựng lý thuyết – mô hình”, mục tiêu thứ hai “giúp hiểu sâu hơn bản chất vấn đề”, mục tiêu số ba “giúp kiểm định sơ bộ sự phù hợp của mô hình và/hoặc thước (thang) đo” và mục tiêu cuối cùng “giải thích cho các kết quả nghiên cứu định lượng”. Những nhà nghiên cứu hàn lâm thuần túy hoặc loại III muốn xây dựng một lý thuyết mới, chưa có ai từng thực hiện có thể sẽ theo đuổi mục tiêu thứ nhất, thứ hai và họ có thể chọn lựa trường phái Glasserian hoặc Straussian. Mục tiêu số ba sẽ hỗ trợ tốt cho các nghiên cứu lặp lại loại I và II. Cuối cùng, nghiên cứu định tính còn có mục tiêu “giải thích cho kết quả của nghiên cứu định lượng”.

II. Quy trình nghiên cứu định tính sử dụng phương pháp GT

2.1 Bước 1: Chuẩn bị

- Xác định mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu
- Xác định các cơ sở lý thuyết phù hợp
- Xây dựng bảng câu hỏi bán cấu trúc/cấu trúc

Trong bước 1, nhà nghiên cứu trước hết phải xác định mục tiêu nghiên cứu của mình. Nếu nhà nghiên cứu muốn đi từ dữ liệu để xây dựng một lý thuyết mới, mục tiêu số 1 (xây dựng mô hình, giả thuyết) có thể vận dụng trong trường hợp này. Nếu nhà nghiên cứu muốn thực hiện nghiên cứu lặp lại mở rộng, mục tiêu số 1, số 2 và số 3 có thể áp dụng.

Các dạng mẫu câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu định tính thường thể hiện ở dạng mở với từ khóa bắt đầu bằng Cái gì, Ở đâu, Như thế nào, Tại sao hoặc Ai. Cái gì, Như thế nào và Tại sao là ba từ phổ biến nhất khi đặt câu hỏi nghiên cứu trong nghiên cứu định tính.

Từ câu hỏi nghiên cứu, nhà nghiên cứu sẽ chuyển hóa thành câu hỏi điều tra dưới dạng bảng câu hỏi phỏng vấn/thảo luận nhóm. Không có bất kỳ định dạng mẫu nào cho bảng câu hỏi trong nghiên cứu định tính. Khi tiến hành nghiên cứu định tính, chúng ta cần phải phỏng vấn đối tượng tham gia bằng các câu hỏi mở/đóng. Saunders & cộng sự (2009) cho rằng nhà nghiên cứu có thể không cần phải chuẩn bị trước bảng hỏi, khi tiếp xúc với đối tượng phỏng vấn nhà nghiên cứu sẽ để họ tự do trả lời về các sự kiện, hành vi hoặc niềm tin của họ liên quan đến các chủ đề; hoặc nhà nghiên cứu chuẩn bị trước bảng câu hỏi nhưng linh hoạt điều chỉnh bổ sung trong lúc phỏng vấn (đây gọi là bảng câu hỏi bán cấu trúc – semi questionnaire).

Nếu nhà nghiên cứu chưa có kinh nghiệm nghiên cứu định tính, cách tốt nhất là chuẩn bị trước bảng câu hỏi xoay quanh chủ đề nghiên cứu và nội dung phải tương đồng cũng như bám sát câu hỏi nghiên cứu. Sau đó, tùy trong từng tình huống mà nhà nghiên cứu có thể khai thác sâu hơn người được phỏng vấn. Trong nhiều trường hợp, nhà nghiên cứu muốn thảo luận với nhóm phỏng vấn về sự rõ ràng của các thang đo có sẵn (trường hợp nghiên cứu lặp lại sử dụng các thang đo đã có trên các thị trường khác). Nhà nghiên cứu nên chuẩn bị thêm một bảng hỏi bao gồm các thang đo để người được phỏng vấn đọc và cho nhận xét của họ.

2.2 Bước 2: Tiến hành thực hiện

- Lựa chọn kỹ thuật phỏng vấn: Phỏng vấn tay đôi, thảo luận nhóm
- Xác định đối tượng tham gia
- Dự kiến mẫu tham gia
- Lập kế hoạch phỏng vấn (Thư mời phỏng vấn, chủ đề, thời gian, địa điểm, ngân sách...)
- Các công cụ cần thiết (mẫu biểu ghi chép, máy ghi âm, máy ghi hình), người hỗ trợ
- Thực hiện phỏng vấn và xử lý các tình huống trong quá trình thực hiện

Việc lựa chọn kỹ thuật phỏng vấn nào tùy thuộc vào chủ đề nghiên cứu và đối tượng phỏng vấn. Ví dụ, một nhà nghiên cứu muốn nghiên cứu chủ đề “*khám phá quá trình xây dựng và hình thành chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty thủy sản khu vực đồng bằng sông Cửu long*”, đối tượng phỏng vấn phải là những người chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện chiến lược của các công ty. Họ có thể là Tổng giám đốc hoặc giám đốc phụ trách chiến lược... Rất khó cho nhà nghiên cứu thực hiện qua kỹ thuật thảo luận nhóm vì các lý do như các công ty rất ngại chuyện chia sẻ chiến lược kinh doanh vì có thể họ đang là đối thủ cạnh

tranh của nhau, họ cũng không có nhiều thời gian để nhà nghiên cứu có thể tập hợp lại một nhóm để thảo luận. Như vậy, cách thức khả thi hơn là phỏng vấn tay đôi, lúc này nhà nghiên cứu có thể hẹn gặp riêng ở văn phòng làm việc của họ để thực hiện phỏng vấn.

Mẫu trong nghiên cứu định tính là mẫu phi xác suất, kích cỡ mẫu phụ thuộc vào trạng thái bão hòa thông tin. Vì vậy, nhà nghiên cứu không thể biết trước được cần bao nhiêu đối tượng phỏng vấn cho nghiên cứu. Điều quan trọng nhất ở đây là làm sao nhà nghiên cứu có thể biết được điểm “bão hòa thông tin”. Đây chính là cách thức lấy mẫu dựa theo lý thuyết (*theoretical sampling*). Theo Charmaz (2006, tr.96) “*lấy mẫu theo lý thuyết nghĩa là tìm kiếm dữ liệu thích hợp để phát triển lý thuyết đang nổi lên, mục đích chính của lấy mẫu theo lý thuyết là để xây dựng và hoàn thiện các “thành phần” cấu thành nên lý thuyết. Bạn thực hiện lấy mẫu theo lý thuyết để phát triển các nội dung của các thành phần cho đến khi không còn nội dung mới nào nổi lên*”. Các “thành phần” ở đây chính là các “khái niệm”, lý thuyết được xây dựng dựa trên mối quan hệ giữa các “khái niệm”, như vậy điểm dừng của thông tin là điểm mà nhà nghiên cứu nhận thấy không còn nội dung nào của các khái niệm nổi lên. Ở nội dung tiếp theo (bước 3) chúng tôi sẽ phân tích điều này kỹ hơn qua một nghiên cứu cụ thể của nhóm tác giả (Kim & cộng sự (2009))

Trước khi thực hiện phỏng vấn, một kế hoạch phỏng vấn chi tiết là điều hết sức quan trọng. Kế hoạch phỏng vấn nên liệt kê rõ các công đoạn cần phải tiến hành như thư mời phỏng vấn, ngân sách dự kiến. Trong thư mời phỏng vấn có thể phải liệt kê rõ chủ đề phỏng vấn, thời gian dự kiến, địa điểm, cuối thư phải có các cam kết đảm bảo các qui định bảo mật thông tin cho người được phỏng vấn.

Trong quá trình phỏng vấn, ghi âm, ghi hình là các công cụ hết sức hữu ích vì nhà nghiên cứu cần phải chuyển tải các băng ghi âm, ghi hình sang văn bản để thực hiện mã hóa và xử lý. Đôi khi, một số đáp viên không muốn ghi âm cũng như ghi hình, do đó nhà nghiên cứu cần chuẩn bị phương án thay thế. Kinh nghiệm là nhà nghiên cứu phải luyện kỹ năng tốc ký thật tốt để làm thế nào có thể tóm lược hết các ý mà người được phỏng vấn trả lời. Một kinh nghiệm nữa là đôi lúc nhà nghiên cứu phải thuê người hỗ trợ. Có thể thuê hai, ba người tùy vào ngân sách nhưng người hỗ trợ phải có kỹ năng tốc ký thật tốt để lưu lại các thông tin thu thập vào nhật ký phỏng vấn.

Trong nhiều trường hợp, người được phỏng vấn quá kiệm lời vì có thể chủ đề nghiên cứu quá nhạy cảm (ví dụ như hỏi quan điểm của họ về phong cách lãnh đạo của cấp trên hay về chất lượng cuộc sống trong công việc...), hoặc người phỏng vấn tỏ thái độ khó chịu, không hợp tác. Nhà nghiên cứu cần khéo léo tôn trọng ý kiến của họ, không được ép buộc họ phải hoàn thành cuộc phỏng vấn.

3.3 Bước 3: Phân tích dữ liệu và tổng hợp kết quả

Bước này diễn ra thông qua các nội dung chi tiết như sau:

- Văn bản hóa các nội dung phỏng vấn hoặc thảo luận;
- Mã hóa các chủ đề và các nội dung có liên quan đến đối tượng nghiên cứu;
- Phân tích dữ liệu (nhóm các thông tin phát hiện mới, các thông tin điều chỉnh, các thông tin loại bỏ)
- Đối chiếu, so sánh kết quả liên tục với cơ sở lý thuyết
- Xác định điểm bão hòa thông tin

- Sử dụng phần mềm chuyên dụng cho xử lý dữ liệu định tính

Văn bản hóa các nội dung phỏng vấn hoặc thảo luận là qui trình bắt buộc phải thực hiện của nhà nghiên cứu. Nếu không thực hiện điều này, nhà nghiên cứu sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình mã hóa và xử lý dữ liệu. Sau khi ghi âm hoặc quay video cuộc phỏng vấn/thảo luận, nhà nghiên cứu phải nghe/xem lại và chuyển toàn bộ nội dung cuộc phỏng vấn sang văn bản. Saunders & cộng sự (2009) còn đề nghị nhà nghiên cứu phải quan sát, nhận biết và thể hiện vào văn bản từng chi tiết nhỏ như tiếng thở dài, sự ngập ngừng của đối tượng phỏng vấn. Nếu không thể ghi âm, ghi hình (vì đáp viên không đồng ý), các đoạn ghi chú trong nhật ký phỏng vấn phải được thể hiện thành văn bản (dưới dạng tóm tắt). Sau khi thể hiện ra văn bản, nhà nghiên cứu bắt đầu mã hóa dữ liệu. Trở lại ví dụ của nhóm Kim & cộng sự. (2009), nhóm tác giả này áp dụng phương pháp lý thuyết nền theo trường phái Straussian để “xây dựng mô hình tiêu dùng thực phẩm địa phương vào các dịp lễ hội và ngày lễ”². Hai mươi người tiêu dùng được phỏng vấn để xây dựng mô hình. Bảng câu hỏi bán cấu trúc được nhóm tác giả sử dụng để phỏng vấn. Trọng tâm của bảng câu hỏi xoay quanh vấn đề chính: “*Làm thế nào đối tượng phỏng vấn lựa chọn thức ăn và nước uống tại nơi họ đến vào các dịp nghỉ lễ hoặc ngày nghỉ của họ*”. Các câu hỏi chuẩn hóa (thường xuyên được hỏi) khi tiến hành phỏng vấn gồm:

“Bạn đã đi đâu vào dịp nghỉ lễ? Đi với ai? [...], Tại sao bạn chọn loại thức ăn địa phương vào dịp nghỉ của bạn?, [...] Điều gì khiến bạn hài lòng/ bất mãn về thức ăn ở địa phương đó?...”. Khi xử lý dữ liệu nhóm tác giả đã phân loại các yếu tố tác động đến sự lựa chọn thực phẩm làm 3 thành phần (categories), trong đó thành phần quan trọng nhất là các nhân tố thuộc động cơ (motivational factors). Thành phần này gồm các nội dung như: “trải nghiệm thú vị”, “thoát khỏi thói quen”, “quan tâm sức khỏe”, ... “cảm giác hấp dẫn” ... (Kim & cộng sự 2009, tr. 425).

Về sử dụng phần mềm chuyên dụng cho việc xử lý dữ liệu trong nghiên cứu định tính, phần mềm nổi tiếng nhất hiện nay có thể kể đến QSRNVivo. Gần đây, nhóm tác giả Hutchison & cộng sự. (2010) công bố bài báo phân tích những ưu điểm vượt trội của QSRNVivo trong phân tích dữ liệu định tính như tính năng ghi nhớ các “thành phần”, các code và khả năng tìm kiếm, truy xuất dữ liệu vô cùng mạnh mẽ. Hiện tại chúng tôi đang sử dụng phiên bản QSRNVivo 10.0, phiên bản mới nhất Nvivo 12 - 2020 của nhà cung cấp QSR International³ là một phần mềm cực kỳ hữu hiệu cho phân tích dữ liệu nếu nhà nghiên cứu có quá nhiều dữ liệu cần phân tích. Hạn chế lớn nhất của việc sử dụng phần mềm này là chi phí mua bản quyền phần mềm còn khá đắt (~ \$1.847) cho gói cá nhân, dùng trong một năm với đầy đủ các tính năng.

² Kim, Y.G., Eves, A. & Scarles, C., 2009. Building a model of local food consumption on trips and holidays: A grounded theory approach. *International Journal of Hospitality Management*, 28(3), pp.423–431. Available at: [http://linkinghub.elsevier.com/retrieve/pii/S](http://linkinghub.elsevier.com/retrieve/pii/S027843190900005X)

027843190900005X [Accessed December 8, 2014].

³ <https://www.qsrinternational.com/nvivo-qualitative-data-analysis-software/about/nvivo>

Kết quả nghiên cứu định tính

- Sự kết nối cơ sở lý thuyết và kết quả nghiên cứu định tính

- Đề xuất về mô hình nghiên cứu

Chúng tôi muốn mượn lại quan điểm của Dul & Hak (2008) để nói về kết quả của nghiên cứu định tính khi áp dụng phương pháp lý thuyết nền: *“góp phần vào sự phát triển của lý thuyết luôn đòi hỏi sự đóng góp của một viên gạch nhỏ vào một tòa nhà lớn”*.

Trở lại ví dụ của Kim & cộng sự (2009), trong quá trình xử lý, nhóm tác giả liên tục so sánh và đối chiếu kết quả với các nghiên cứu trước. Nhóm tác giả Kim & cộng sự (2009) đã tìm ra chín nội dung liên quan đến thành phần động cơ, bảy nội dung đã từng được công bố. Như vậy, hai nội dung mới được phát hiện thông qua nghiên cứu định tính. Đây là minh chứng cụ thể của nghiên cứu lặp lại dạng mở rộng, nhưng gì họ phát hiện ra khi đối chiếu với cơ sở lý thuyết của các nghiên cứu trước đó chỉ là hai nội dung mới trong một thành phần đã từng được nghiên cứu. Một mô hình lý thuyết được nhóm tác giả đề xuất cho các nghiên cứu tiếp theo. Điểm mới duy nhất của mô hình này cũng chính là hai nội dung mới mà nhóm tác giả vừa khám phá. Kết quả này có thể được xem như viên gạch nhỏ trong tòa nhà lớn. Kết quả của Kim & cộng sự (2009) dừng lại ở đây và đây chính là điểm kết thúc của một nghiên cứu định tính nhưng nó cũng là khởi đầu cho các nhà nghiên cứu khác (ví dụ như nhà nghiên cứu định lượng) muốn kiểm định mô hình này.

III. Kết luận và đề xuất

Nghiên cứu định tính dù là áp dụng theo phương pháp nào, đáp ứng theo mục tiêu nghiên cứu loại nào cũng đều là một quá trình nghiên cứu khoa học một cách có hệ thống. Vì vậy, nó cần được báo cáo chi

tiết, cụ thể và đi kèm với báo cáo kết quả định tính là dữ liệu minh chứng. Đặc biệt, khâu xử lý dữ liệu phải minh chứng được quá trình mã hóa và đối chiếu so sánh liên tục với lý thuyết. Kết quả tìm được phải chứng minh cho người đọc thấy được sự đóng góp dù là nhỏ nhất cho lý thuyết khoa học. Như vậy, kết quả của nghiên cứu định tính không thể tự nhiên xuất hiện như cách trình bày trong rất nhiều các luận văn, luận án nghiên cứu dạng hỗn hợp (dạng kết hợp vừa định tính vừa định lượng) hiện nay, cũng như hàng loạt các nghiên cứu dạng hỗn hợp được công bố trên các tạp chí trong nước. Chúng tôi đề xuất nên tách rời nghiên cứu định tính ra khỏi các nghiên cứu hỗn hợp để các nhà nghiên cứu thấy được tầm quan trọng và vai trò của nghiên cứu định tính trong nghiên cứu hỗn hợp. Hoặc các nhà nghiên cứu phải trình bày chi tiết hơn, có đủ minh chứng hơn cho các nghiên cứu định tính. Có như vậy thì chất lượng của các công trình nghiên cứu mới có thể được tăng lên.

Các học viên cao học nên lựa chọn nghiên cứu định tính với mục tiêu là kiểm định một/nhiều lý thuyết nào đó. Tuy nhiên, nghiên cứu sinh phải đặt mục tiêu khám phá một/nhiều khái niệm mới, các mối quan hệ mới hoặc ít nhất phải bổ sung, mở rộng các khái niệm đang còn tranh luận. Như vậy, nghiên cứu định theo hướng GT là một hướng tiếp cận phù hợp.

Còn nhiều hướng tiếp cận hữu ích khác chưa được đề cập trong báo cáo này ví dụ như videography hay netnography (Belk & cộng sự, 2012). Đây là những phương pháp cực kỳ hữu ích cho nghiên cứu hàn lâm và ứng dụng trong lĩnh vực quản trị, kinh doanh và marketing hiện nay. Các nhà nghiên cứu nên chú ý đến những phương pháp vừa đề cập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Belk, R., Fischer, E., & Kozinets, R. V. (2012). *Qualitative Consumer and Marketing Research* (1st ed.). Los Angeles: Sage.
- Charmaz, K. (2006). *Constructing Grounded Theory: A Practical Guide Through Qualitative Analysis* (1st ed.). London: Sage.
- Cooney, A. (2010). Choosing between Glaser and Strauss: an Example. *Nurse Researcher*, 17(4), 18–28.
- Creswell, J. (2007). *Qualitative inquiry and research design: Choosing among five approaches* (2nd ed.). Thousand Oaks, CA: Sage.
- Creswell, J. W. (2009). *Research Design Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches* (3rd ed., Vol. 40).
- Dul, J., & Hak, T. (2008). *Case study methodology in business research* (1st ed.). Oxford: Butterworth-Heinemann.
- Eisenhardt, K. (1989). Building theories from case study research. *Academy of Management Review*, 14(4), 532–550.
- Glaser, B., & Strauss, A. (2006). *The Discovery of Grounded Theory: Strategies for Qualitative Research*. New Brunswick: Aldine Transaction.
- Goulding, C. (2002). *Grounded theory: A practical guide for management, business and market researchers* (1st ed.). London: Sage.
- Goulding, C. (2005). Grounded theory, ethnography and phenomenology: A comparative analysis of three qualitative strategies for marketing research. *European Journal of Marketing*, 39(3/4), 294–308.
- Heath, H. (2006). Exploring the influences and use of the literature during a grounded theory study. *Journal of Research in Nursing*, 11(6), 519–528.
- Hutchison, A. J., Johnston, L. H., & Breckon, J. D. (2010). Using QSR-NVivo to facilitate the development of a grounded theory project: An account of a worked example. *International Journal of Social Research Methodology*, 13(4), 283–302.
- Kim, Y. G., Eves, A., & Scarles, C. (2009). Building a model of local food consumption on trips and holidays: A grounded theory approach. *International Journal of Hospitality Management*, 28(3), 423–431.
- Kozinets, R. V. (2002). The Field Behind the Screen: Using Netnography for Marketing Research in Online Communities. *Journal of Marketing Research*, 39(1), 61–72. 5
- Kozinets, R. V. (2010). *Netnography . Doing Ethnographic Research Online* (1st ed.). Los Angeles: Sage.
- Kozinets, R. V. (2015). Netnography: redefined. In *Igarss 2014* (2nd ed.). Thousand Oaks, CA: SAGE Publications Ltd.
- Nguyễn Đình Thọ. (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh* (Ấn bản lần thứ 2.). Hồ Chí Minh: NXB Tài Chính.
- Nguyễn Văn Thắng (2013). *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh* (Ấn bản lần thứ 1.). Hà Nội: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Saunders, M., Lewis, P., & Thornhill, A. (2016). *Research Methods for Business Students* (7th ed.). Harlow: Prentice Hall.
- Strauss, A. (1987). *Qualitative Analysis for Social Scientists* (1st ed.). New York: Cambridge University Press.
- Woodside, G. A. (2010). *Case Study Research: Theory Methods Practice* (1st ed.). Bingley: Emerald Group.
- Yin, R. K. (2003). *Case Study Research: Design and Methods* (3rd ed.). Thousand Oaks, CA: Sage.